TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/**2022/HS - ST
Ngày: 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Lệ

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Võ Kế Út – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2022/TLST – HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2022/QĐXXST – HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Thị Ngọc M**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1974 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 450/48/10 Đ, Phường A, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch (đã chết); có chồng tên là Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1971 (đã chết) và có 01 con chung sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2003 sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an Phường A, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện Phú Văn đến năm 2006 hồi gia; Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013 trả tự do, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại. "Có mặt".

2/ **Lê Thị Thùy Tr**, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1989 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25 Đ, Phường B, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 967/8B T, Phường T, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước L (đã chết) và bà Đào Thị Cẩm X, sinh năm 1966; trước đây sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Cơ Đ, sinh năm 1973 và có 01 con chung sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013 trả tự do, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại. "Có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy Tr:* Bà Trần Thị Phương D – Là Luật sư của Công ty luật TNHH Đại Việt thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Các bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr là bạn bè và cùng

nhau thuê nhà để ở tại số: 209/43C , Phường C, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh từ tháng 02 năm 2013 và sống chung nhà. Trong thời gian sống cùng nhà, M và Tr nhiều lần hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung. Trưa ngày 12/7/2013, M rủ Tr hùn tiền mua ma túy về sử dụng, Tr đồng ý và mỗi người hùn 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. M điện thoại cho người đàn ông tên N (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 1.000.000 (một triệu) đồng ma túy, N đồng ý và hẹn M đến đầu hẻm 243 T, Phường D, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh để giao dịch. M đến nơi hẹn thì gặp một người phụ nữ (không rõ lai lịch) đi xe đạp đến đưa ma túy cho M và nhận số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng xong thì bỏ đi. M nhận gói ma túy cất giấu vào trong bóp móc chìa khóa màu vàng rồi đi về nhà thuê để cùng Tr sử dụng. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/7/2013, Công an Phường A, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính nhà của M và Tr thuê ở, phát hiện có dụng cụ sử dụng ma túy nên thu giữ và đưa M và Tr về trụ sở làm rõ. Tại trụ sở Công an Phường A, Quận 4, Công an kiểm tra và phát hiện trong túi quần bên phải của M đang mặc có cất giấu 01 (một) gói ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo kết luận giám định số 1191/KLGĐ – H ngày 18/7/2013 và Công văn số 58/PC54 – D9 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận: 01 (một) gói nylon ma túy thu giữ của Lê Thị Ngọc M là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1232g (một phẩy một hai ba hai) gam, loại Methamphetamine. Ngày 30/4/2015, Cơ quan điều tra tạm đình chỉ vụ án để xử lý việc giám định hàm lượng ma túy. Sau khi rà soát việc tạm đình chỉ, ngày 21/9/2021 Cơ quan điều tra Công an Quận 4 phục hồi điều tra vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, M và Tr đã thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Qua thử test, Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr có sử dụng ma túy. Đối với người đàn ông tên Nghiệp bán ma túy cho M và người phụ nữ đi giao ma túy cho M, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở để làm rõ, xử lý.

Tại Cáo trạng số 31/CT – VKSQ4 ngày 17/02/2022 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 – TP. Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo M và bị cáo Tr từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Miễn hình phạt tiền bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy Tr trình bày: Đồng ý với quan điểm Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Lê Thị Thùy Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo Tr là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn, đang là mẹ đơn thân nuôi con còn quá nhỏ, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân lai lịch tốt, từng đạt nhiều huy chương vàng trong thi đấu võ thuật của thành phố, bị cáo phạm tội khi tuổi đời còn trẻ và biết thay đổi trở thành người tốt sau khi đã

phạm tội. Trong quá trình điều tra và truy tố thì bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cũng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 – khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và xử phạt bị cáo Tr 01 (một) năm tù cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe bị cáo, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời sớm trở về với gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành vì con bị cáo Tr là nữ rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/7/2013, Công an Phường A, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính đã phát hiện và bắt quả tang Lê Thị Ngọc M cất giấu trong người 1,1232g (một phẩy một hai ba hai) gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine. Số ma túy trên là của Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr hùn tiền mua về để sử dụng chung nên các bị cáo M và Tr đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hội đồng xét xử xét thấy, đối chiếu với quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 thì tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điều luật này có khung hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của

mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là ngang bằng nhau, xét về nhân thân các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo M có nhân thân xấu liên quan đến hành vi sử dụng trái phép ma túy, từng bị Công an Phường 14, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc một thời gian (từ năm 2003 đến năm 2006) nhưng không từ bỏ được ma túy nên đã thực hiện hành vi phạm tội như trên. Với hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Tr có lý lịch tốt (nhiều năm liền từ năm 1999 đến năm 2002 đạt nhiều Huy chương vàng và giấy chứng nhận đạt thành tích cao trong bộ môn võ thuật do Sở thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng), bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm mẹ đơn thân hiện đang nuôi con nhỏ, (trẻ là nữ mới được 05 tuổi nên rất cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ) nên Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Do các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xét để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, xét các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số vụ 1191 bên trong là mẫu vật ma túy còn lại sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

- 02 (hai) bình thủy tinh tự chế có ống nhựa màu trắng là dụng cụ để sử dụng ma túy. Xét, đây là dụng cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) bóp móc chìa khóa màu vàng đã qua sử dụng. Xét, là vật không còn giá trị sử dụng và tại phiên tòa các bị cáo từ chối nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cân điện tử bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng. Xét, đây là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu ZIE màu đen, đã qua sử dụng là điện thoại của M dùng để liên lạc mua ma túy. Xét, đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo M, Tr phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Lê Thị Ngọc M** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1- khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Lê Thị Thùy Tr** 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 13/7/2013 đến ngày 16/7/2013.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 1191, bên trong là mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 02 (hai) bình thủy tinh tự chế có ống nhựa màu trắng; 01 (một) bóp móc chìa khóa màu vàng đã qua sử dụng và 01 (một) cân điện tử bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu ZIE màu đen, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 06/2023 ngày 21/10/2022 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Lê Thị Ngọc M và Lê Thị Thùy Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo; (2)
- Luật sư; (1)
- CA TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thúy